TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đoàn Tấn Tiên.

2/ Ông Trần Hữu Thiện.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa**:** Ông Võ Công Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần T, sinh năm 1987. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp A, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Huỳnh N, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp A, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần T trình bày:

Chị và anh Huỳnh N chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh ngày 15-8-2007. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã, mặc dù đã hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh N. Chị và anh N có 01 con chung tên Huỳnh P,

sinh ngày 19-3-2009, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Huỳnh N đến Tòa án để giải quyết vụ án tuy nhiên anh N vắng mặt không có lý do từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh P, sinh ngày 19-3-2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần T yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh Huỳnh N. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Huỳnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh N.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Trần T và anh Huỳnh N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh ngày 15-8-2007. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh N. Xét thấy, căn cứ lời trình bày của chị T và qua tiến hành xác minh thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã gay gắt, mâu thuẫn kéo dài nhưng không thể giải quyết và hàn gắn tình cảm được. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên

họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, do dó anh N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, từ đó cho thấy anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình với chị T. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh P, sinh ngày 19-3-2009. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cháu P có nguyện vọng được sống với mẹ và chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Do đó giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử, do đó có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì chị Trần T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Trần T đối với anh Huỳnh N.

- Về hôn nhân: Chị Trần T và anh Huỳnh N được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh P, sinh ngày 19-3-2009 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0007213 ngày 08-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Ủy ban nhân dân xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hoàng Nam